

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 24- 4- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Hanh.

Ông Trương Đức Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Giáp Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày tháng năm 1987 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức M (đã chết) và bà: Đào Thị T - sinh năm 1959; Vợ, con: chưa có; tiền án: + Bản án số 89/HSST ngày 30/12/2011 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (trị giá tài sản là 220.000đ). Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2013, chưa thi hành án phí HSST, tiền sự: Không; nhân thân: - Ngày 13/01/2004 Trưởng Công an thị trấn T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; -Bản án số 02/HSST ngày 05/01/2006 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (tài sản 3.480.000đ), đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/11/2006, án phí dân sự, hình sự ngày 12/12/2007, chưa thi hành tiền bồi thường 650.000đ cho bà Nguyễn Thị T; + Bản án số 59/HSST ngày 27/8/2010 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (trị giá tài sản

2.150.000đ), đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2011, xong án phí HSST 21/9/2011. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này- Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1978; TQ: Xóm P, xã P, huyện Y, tỉnh B - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 172, đường M K, phường Đ, thị xã T, tỉnh B- Vắng mặt.

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B - Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Ngọc B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 34, phường N, quận T, thành phố H - Vắng mặt.

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Vân- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị Vân- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Quang- thành viên; ông Trần Đình Hùng- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/12/2017 Nguyễn Đức T mặc áo khoác màu đen, quần bò màu xanh, đi giày thể thao màu đen, trắng đi bộ vào Bệnh viện Đa khoa huyện Hiệp Hòa mục đích trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đến khoa sản, quan sát qua khe cửa phòng 7 thấy bên trong phòng (hướng từ cửa vào) bên trái có chị Đỗ Thị N, sinh năm 1978 ở Xóm P, xóm P, huyện Y, tỉnh B đang bế cháu nhỏ mới sinh, bên phải có 01 chiếc giường không có người, ở giữa giường có 01 chiếc điện thoại Iphone 6S plus màu vàng gôn, có vỏ bọc bằng nhựa màu trắng hoa chấm óng ánh. Quan sát thấy chị N không để ý nên T đã lén lút mở cửa vào phòng dùng tay phải cầm điện thoại trên tay thì bị chị N phát hiện hô hoán nên T đã cầm theo điện thoại bỏ chạy về phía nhà xác của Bệnh Viện. Nghe tiếng hô hoán của chị N nên anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B và anh Đỗ Ngọc B, sinh năm 1976 ở N, T, TP H đang ở phòng bệnh bên cạnh chạy ra và cùng chị N đuổi theo T nhưng T đã chèo tường chạy thoát.

Sau khi lấy được chiếc điện thoại, T đi xe buýt đến cửa hàng điện thoại Anh Tú ở số 172 đường M Khai, Phường Đ, thị xã T, tỉnh B bán cho chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1984 (là chủ cửa hàng) được 1.400.000đ. Số tiền này T đã ăn tiêu hết.

Ny sau khi bị mất tài sản, chị N đã viết đơn trình báo sự việc và giao nộp 01 vỏ hộp điện thoại Iphone 6splus. Ngày 09/12/2017 T đã đến Cơ quan

điều tra Công an huyện Hiệp Hòa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trực tiếp chỉ dẫn Cơ quan điều tra đến Cửa hàng điện thoại Anh Tú nơi T đã bán chiếc điện thoại. Cùng ngày chị O đã giao nộp chiếc điện thoại Iphone 6Splus màu vàng gold có số Imal 355730074036446; ốp vỏ nhựa màu trắng hoa chấm óng ánh phù hợp với số Imal vỏ hộp điện thoại mà chị N giao nộp ngày 08/12/2017.

Ngày 18/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa ra quyết định trưng cầu định giá tài sản là chiếc điện thoại mà T đã trộm cắp của chị Đỗ Thị N. Ngày 22/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 6Splus màu vàng gold và ốp lưng điện thoại có giá 5.520.000đ (Năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Ngày 28/2/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị N, chị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự mà chỉ đề nghị xử lý nghiêm đối với T về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/01/2018 Cơ quan điều tra đã truy tìm quần áo, giày mà T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (T khai đã vứt bỏ) nhưng không có kết quả.

Từ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T, tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS-HH ngày 05/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T ra trước Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo vì hiện nay bị cáo đang điều trị bệnh HIV từ năm 2014 đến nay.

Bị hại (chị Đỗ Thị N) trình bày: Khoảng 9 giờ ngày 08/12/2017 chị đang ngồi bế cháu tại phòng số 7, tầng 1, khoa sản của Bệnh viện đa khoa huyện H thì phát hiện có một người thanh niên hé cửa và bước vào trong phòng lấy trộm chiếc điện thoại Iphone 6S plus màu vàng của chị để ở giường, chị phát hiện bế cháu đuổi theo nhưng không kịp, người thanh niên đó đã chạy thoát. Sau đó chị thấy có một số người dân nói người thanh niên đó tên là T, nhà ở thị trấn T, gần bệnh viện. Nay Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chị chiếc điện thoại, chị không có ý kiến đề nghị bồi thường gì về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. □p dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt: Nguyễn Đức T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- *Về dân sự*: □p dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị O số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo bán chiếc điện thoại trộm cắp cho chị O nay đã thu hồi trả cho chủ sở hữu.

- *Về án phí*: □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp đã chứng M được là chiếc điện thoại Iphone 6S plus màu vàng đã qua sử dụng có trị giá là 5.520.000 đồng (*Năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật B vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét

về nhân thân: bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt 18 tháng tù và có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản năm 2006, trộm cắp tài sản năm 2011 và bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản năm 2004. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả là trực tiếp chỉ dẫn để cơ quan điều tra thu hồi chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp, do đó cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

Đối với bị cáo qua xác M tại địa phương xác định bị cáo không có tài sản gì, hiện nay đang điều trị HIV phải uống thuốc điều trị hàng ngày từ năm 2014 đến nay và điều trị Methadone, vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, vì vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra. Đối với chị Nguyễn Thị O là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.400.000đ do chị O mua chiếc điện thoại do bị cáo nay đã bị thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại chị O 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Chị Nguyễn Thị O là người đã mua chiếc điện thoại của T nhưng chị O không biết là tài sản do T trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra chỉ gọi hỏi nhắc nhở là đủ. Ngày 09/12/2017 chị O đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại trên và yêu cầu T phải trả lại số tiền 1.400.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 232; Điều 233, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức T **08 (Tám) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- *Về dân sự:* □p dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị O số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo bán chiếc điện thoại trộm cắp cho chị O nay đã thu hồi trả cho chủ sở hữu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn.